



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **55** /2020/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày **01** tháng **12** năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng
trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh
sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 78/22015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 04/2015/TTLT-BKHĐT-BTC-BNV ngày 28/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành Quy chế phối hợp mẫu giữa các cơ quan

chức năng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 01/2016/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 23 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc trao đổi thông tin về doanh nghiệp giữa Hệ thống thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và Hệ thống thông tin thuế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 703/TTr-SKHĐT ngày 30 tháng 9 năm 2020, Văn bản số 4275/SKHĐT-ĐKKD ngày 16 tháng 11 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2020. Quyết định này thay thế Quyết định số 34/2016/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy chế phối hợp trong công tác kiểm tra đối với doanh nghiệp sau đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
 - Bộ Tài chính;
 - Bộ Nội vụ;
 - Thanh tra Chính phủ;
 - Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
 - Thường trực Tỉnh ủy;
 - Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
 - Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
 - Các ban Đảng của Tỉnh ủy và HĐND tỉnh;
 - Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
 - Chánh, Phó Chánh VP UBND tỉnh;
 - Cổng thông tin điện tử tỉnh;
 - Lưu: VT, KTNS (60 bản).
- MPhuong.ktns

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Hùng

QUY CHẾ

**Phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước
đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 55/2020/QĐ-UBND
ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nội dung và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, các nội dung cụ thể:

1. Trao đổi, cung cấp, công khai thông tin đăng ký doanh nghiệp; thông tin đăng ký hợp tác xã và hộ kinh doanh.
2. Thanh tra, kiểm tra, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, hộ kinh doanh và xử lý vi phạm quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.
3. Báo cáo về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai và Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai, Ban Quản lý Khu công nghệ cao Công nghệ sinh học tỉnh Đồng Nai (sau đây gọi chung là sở, ban, ngành cấp tỉnh)
2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện).
3. Cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc cơ quan quản lý Nhà nước cấp Trung ương đặt tại tỉnh Đồng Nai.
4. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.
5. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã).
6. Các loại hình doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị trực thuộc hợp tác xã và hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cung cấp thông tin doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh là việc cơ quan nhà nước được yêu cầu, trong phạm vi chức năng quản lý của mình và theo quy định của pháp luật, gửi thông tin doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh có nội dung, phạm vi xác định tới cơ quan yêu cầu để phục vụ công tác quản lý nhà nước về doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

2. Trao đổi thông tin doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh là việc hai hay nhiều cơ quan chức năng cung cấp thông tin doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh thuộc phạm vi quản lý với nhau một cách liên tục hoặc theo định kỳ.

3. Công khai thông tin doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh là việc cơ quan nhà nước căn cứ vào chức năng quản lý của mình và theo quy định của pháp luật, cung cấp, phổ biến thông tin doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh một cách rộng rãi, không thu phí.

4. Thanh tra doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh là việc xem xét, đánh giá, xử lý theo trình tự, thủ tục được quy định tại Luật Thanh tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với việc thực hiện pháp luật, chính sách, quyền hạn, nghĩa vụ của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và cá nhân, tổ chức có liên quan.

5. Kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, đánh giá việc thực hiện pháp luật, chính sách, quyền hạn, nghĩa vụ của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và cá nhân, tổ chức có liên quan.

6. Cơ quan chức năng là cơ quan quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 2 Quy chế này.

7. Cơ quan đại diện chủ sở hữu: Là cơ quan, doanh nghiệp quy định tại Điều 4 Nghị định số 109/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước.

8. Cơ quan đăng ký kinh doanh là Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư và Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

9. Hợp tác xã là các loại hình hợp tác xã được tổ chức và hoạt động theo Luật Hợp tác xã gồm: Liên hiệp hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân (do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký), hợp tác xã (do Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện cấp Giấy chứng nhận đăng ký).

10. Đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp, hợp tác xã bao gồm chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

11. Giấy chứng nhận là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

Điều 4. Mục tiêu của việc phối hợp trong quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập tại địa phương theo hướng:

a) Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

b) Phân định trách nhiệm giữa các cơ quan trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

c) Tăng cường vai trò giám sát của xã hội đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

2. Tạo điều kiện đảm bảo cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tuân thủ quy định của pháp luật trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh, đồng thời tăng cường trách nhiệm giám sát các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong quá trình hoạt động.

3. Phát hiện và xử lý kịp thời những doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm pháp luật, ngăn chặn và hạn chế những tác động tiêu cực do doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh gây ra cho xã hội.

4. Góp phần xây dựng, tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi, cạnh tranh bình đẳng; tạo điều kiện để các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

5. Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý doanh nghiệp và dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh, đánh giá tình hình triển khai hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hạn chế tối đa tình trạng doanh nghiệp hoạt động không hiệu quả, bỏ trốn khỏi địa chỉ đăng ký hoặc có hành vi vi phạm pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập

1. Các cơ quan chức năng chịu trách nhiệm hướng dẫn, hỗ trợ, tuyên truyền và tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tuân thủ đúng quy định pháp luật.

2. Tăng cường phối hợp, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan Nhà nước về tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; tạo thuận lợi cho các cá nhân, tổ chức có liên quan trong tiếp cận các thông tin về hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được lưu trữ tại cơ quan, đơn vị, trừ trường hợp phải bảo đảm bí mật theo quy định pháp luật.

3. Mỗi cơ quan chức năng, cơ quan đại diện chủ sở hữu chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát hoạt động của các doanh nghiệp trong phạm vi chức năng và nhiệm vụ được giao.

4. Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được quyền kinh doanh ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải đảm bảo đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động. Việc quản lý nhà nước đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và kiểm tra việc chấp hành điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ

kinh doanh thuộc thẩm quyền của cơ quan chuyên ngành theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 6. Nguyên tắc phối hợp

1. Trách nhiệm quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh phải được phân định rõ ràng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cấp, từng cơ quan quản lý Nhà nước cụ thể. Các cơ quan Nhà nước quản lý doanh nghiệp theo từng ngành, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Công tác phối hợp quản lý nhà nước phải đảm bảo khách quan, công khai, minh bạch; tạo mọi điều kiện và đảm bảo môi trường an ninh, trật tự ổn định để doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh hoạt động kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật. Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đa ngành, nghề chịu sự quản lý của nhiều cơ quan Nhà nước; mỗi cơ quan chịu trách nhiệm quản lý hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo từng ngành, lĩnh vực tương ứng.

2. Trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh phải đảm bảo chính xác, đầy đủ, kịp thời trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin, chia sẻ cơ sở dữ liệu. Yêu cầu trao đổi, cung cấp thông tin doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh phải căn cứ vào nhu cầu quản lý Nhà nước phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan yêu cầu. Việc sử dụng thông tin doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh phải tuân thủ theo quy định của pháp luật.

3. Phối hợp trong thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh phải bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời; không trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung thanh tra, kiểm tra trong cùng thời gian giữa các cơ quan thực hiện thanh tra, kiểm tra; giảm thiểu đến mức tối đa sự phiền hà, cản trở hoạt động bình thường của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh. Thực hiện thanh tra, kiểm tra theo đúng quy định của pháp luật (không quá một lần/năm); kết hợp thanh tra, kiểm tra liên ngành nhiều nội dung trong một đợt thanh tra, kiểm tra, trừ trường hợp thanh tra, kiểm tra đột xuất khi doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

4. Không làm phát sinh thủ tục hành chính và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh hoạt động bình thường.

Chương II

TRAO ĐỔI, CUNG CẤP, CÔNG KHAI THÔNG TIN DOANH NGHIỆP, THÔNG TIN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ, HỘ KINH DOANH

Điều 7. Nội dung thông tin doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh

1. Thông tin đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh bao gồm:

a) Thông tin đăng ký doanh nghiệp gồm: Tên; mã số doanh nghiệp; địa chỉ trụ sở chính; ngành, nghề kinh doanh; thông tin về người đại diện theo pháp luật; vốn điều lệ; danh sách thành viên, cổ đông sáng lập; người đại diện theo ủy

quyền; thông tin về đơn vị trực thuộc và các thông tin đăng ký khác của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

b) Thông tin đăng ký hợp tác xã gồm: Tên; mã số hợp tác xã; địa chỉ trụ sở chính; ngành, nghề kinh doanh; thông tin về người đại diện theo pháp luật; vốn điều lệ; danh sách thành viên Hội đồng quản trị; thông tin về đơn vị trực thuộc và các thông tin đăng ký khác của hợp tác xã theo quy định của pháp luật.

c) Thông tin đăng ký hộ kinh doanh gồm: Tên, số giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; địa điểm kinh doanh; ngành, nghề kinh doanh; vốn kinh doanh; đại diện hộ kinh doanh và các thông tin đăng ký khác của hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật.

2. Thông tin về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp, hợp tác xã; hộ kinh doanh bao gồm các tình trạng: đang hoạt động; đang làm thủ tục giải thể; đã giải thể; bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; tạm ngừng kinh doanh; đã chấm dứt hoạt động (đối với đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh).

3. Thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh bao gồm: Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính của doanh nghiệp, hợp tác xã, doanh thu, sản lượng, số lao động, xuất khẩu, nhập khẩu và các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh khác của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật.

4. Thông tin về xử lý doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh có hành vi kinh doanh vi phạm pháp luật, bao gồm: Kết luận và kết quả xử lý của cơ quan có thẩm quyền đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về doanh nghiệp, hợp tác xã, về đầu tư, quản lý thuế và pháp luật chuyên ngành khác.

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư (Phòng Đăng ký kinh doanh) là đầu mối cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp, đăng ký liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn tỉnh như sau:

a) Định kỳ vào tuần thứ hai hàng tháng, Phòng Đăng ký kinh doanh có trách nhiệm cung cấp danh sách doanh nghiệp, danh sách liên hiệp hợp tác xã, danh sách quỹ tín dụng nhân dân về các tình trạng hoạt động theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 8 của Quy chế này cho các cơ quan quản lý Nhà nước trên địa bàn tỉnh thông qua hộp thư điện tử do các đơn vị cung cấp.

Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm cung cấp bằng văn bản thông tin cá nhân và hộp thư điện tử cán bộ đầu mối của đơn vị cho Sở Kế hoạch và Đầu tư để cung cấp thông tin nhanh chóng và chính xác.

b) Nội dung thông tin đăng ký doanh nghiệp, đăng ký liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân công khai gồm:

- Tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.

- Tên, mã số, địa chỉ trụ sở, tên người đứng đầu đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.

- Tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân đã hoàn tất thủ tục giải thể.

- Tên, mã số, địa chỉ trụ sở, tên người đứng đầu đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân chấm dứt hoạt động.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư ban hành quy trình cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã, hộ kinh doanh cho các cơ quan quản lý Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện (Phòng Tài chính - Kế hoạch) là đầu mối cung cấp thông tin đăng ký hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh như sau:

a) Định kỳ vào tuần thứ hai hàng tháng, Phòng Tài chính - Kế hoạch có trách nhiệm cung cấp danh sách hợp tác xã, hộ kinh doanh về các tình trạng hoạt động theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 8 của Quy chế này cho các cơ quan quản lý Nhà nước trên địa bàn tỉnh thông qua hộp thư điện tử cán bộ đầu mối của các đơn vị.

Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc cơ quan quản lý Nhà nước cấp Trung ương đặt tại địa bàn cấp huyện có trách nhiệm cung cấp bằng văn bản thông tin cá nhân và hộp thư điện tử cán bộ đầu mối của đơn vị cho Phòng Tài chính - Kế hoạch để cung cấp thông tin nhanh chóng và chính xác.

b) Nội dung thông tin đăng ký hợp tác xã, hộ kinh doanh công khai gồm:

- Tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã; Tên, số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, địa điểm kinh doanh, tên đại diện hộ kinh doanh.

- Tên, mã số, địa chỉ trụ sở, tên người đứng đầu đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.

- Tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân đã hoàn tất thủ tục giải thể.

- Tên, mã số, địa chỉ trụ sở, tên người đứng đầu đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân; Tên, số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, địa điểm kinh doanh, tên đại diện hộ kinh doanh chấm dứt hoạt động.

4. Trường hợp phát hiện thông tin đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh do Phòng Đăng ký kinh doanh hoặc Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện cung cấp chưa chính xác hoặc chưa đầy đủ so với tình trạng thực tế của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, cơ quan chức năng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Phòng Đăng ký kinh doanh hoặc Phòng Tài chính -

Kế hoạch cấp huyện để yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh thực hiện đăng ký thay đổi hoặc hiệu đính thông tin theo quy định. Sau khi doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đăng ký thay đổi hoặc hiệu đính thông tin, Phòng Đăng ký kinh doanh hoặc Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện, thành phố có trách nhiệm thông báo kết quả cho cơ quan chức năng có liên quan.

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc khai thác, công khai thông tin về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh

1. Trên cơ sở khai thác thông tin từ Hệ thống thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã, Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối cung cấp, công khai thông tin về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn tỉnh.

2. Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư định kỳ đối chiếu thông tin trên Hệ thống thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã với thông tin cơ quan thuế cung cấp về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân. Đối với doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân ngừng hoạt động quá một năm mà không thông báo với cơ quan thuế hoặc cơ quan đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với cơ quan thuế tiến hành thanh tra, kiểm tra, xử phạt theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và quy định của pháp luật.

3. Trên cơ sở khai thác thông tin từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện là đầu mối cung cấp, công khai thông tin về tình trạng hoạt động của hợp tác xã trên địa bàn huyện. Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện định kỳ đối chiếu thông tin trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã với thông tin cơ quan thuế cung cấp về tình trạng hoạt động của hợp tác xã. Đối với hợp tác xã ngừng hoạt động quá 01 năm mà không thông báo với cơ quan thuế hoặc cơ quan đăng ký kinh doanh, Ủy ban nhân dân cấp huyện tiến hành thanh tra, kiểm tra, xử phạt theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và quy định của pháp luật.

Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện là cơ quan đầu mối cung cấp, công khai thông tin về tình trạng hoạt động của hộ kinh doanh trên địa bàn; định kỳ trao đổi, đối chiếu thông tin đăng ký hộ kinh doanh với thông tin do Cơ quan thuế cung cấp về tình trạng hoạt động, ngừng hoạt động. Đối với hộ kinh doanh ngừng hoạt động quá 06 tháng mà không thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đăng ký, Ủy ban nhân dân cấp huyện tiến hành thanh tra, kiểm tra, xử phạt theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và quy định của pháp luật.

Điều 10 Trách nhiệm của các cơ quan trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh

1. Các cơ quan chức năng chủ động xây dựng cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh hoạt động trong ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước được giao; chủ động xây dựng phương án, công cụ trao đổi thông tin doanh

nghiệp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Cục Thuế tỉnh và các cơ quan đầu mối thông tin doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh khác để phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước của mình.

2. Khuyến khích các cơ quan chức năng trao đổi thông tin, chia sẻ cơ sở dữ liệu nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, đồng thời giảm thiểu nghĩa vụ kê khai, báo cáo của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

3. Cơ quan chức năng thực hiện công khai thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch phối hợp cùng các cơ quan chuyên môn cấp huyện cung cấp thông tin tổng hợp về tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn quản lý theo quy định gửi cơ quan Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư để có thông tin tổng hợp báo cáo theo yêu cầu.

Điều 11. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc công khai thông tin về xử lý doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm pháp luật

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối công khai thông tin doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân có hành vi vi phạm pháp luật về doanh nghiệp và đầu tư trên địa bàn tỉnh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được Quyết định xử lý doanh nghiệp vi phạm, thời gian công khai thông tin đến khi doanh nghiệp khắc phục hành vi vi phạm. Thông tin công khai gồm: tên doanh nghiệp, mã số, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật.

2. Cục Thuế tỉnh công khai danh sách các doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, trực thuộc hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh có hành vi vi phạm pháp luật về thuế theo quy định của Luật Quản lý Thuế và theo hướng dẫn của Tổng cục Thuế.

Định kỳ hàng tháng, Cục Thuế tỉnh có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Sở Kế hoạch và Đầu tư về danh sách doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân đóng mã số thuế, không hoạt động tại địa chỉ trụ sở đã đăng ký, tạm ngừng hoạt động kinh doanh một năm liên tục không thông báo, doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân vi phạm các quy định về đăng ký thuế; Thông báo bằng văn bản cho Bản quản lý các Khu công nghiệp về tình trạng các doanh nghiệp trong Khu công nghiệp vi phạm quy định về đăng ký thuế, các doanh nghiệp không hoạt động tại trụ sở đã đăng ký, các doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động kinh doanh 01 năm liên tục mà không thông báo, các doanh nghiệp đã đóng mã số thuế; Chi cục Thuế có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Phòng Tài chính - Kế hoạch về danh sách hợp tác xã, hộ kinh doanh đóng mã số thuế, không hoạt động tại địa chỉ trụ sở đã đăng ký, tạm ngừng hoạt động kinh doanh một năm liên tục đối với hợp tác xã, tạm ngừng 06 tháng liên tục mà không thông báo, hợp tác xã, hộ kinh doanh vi phạm các quy định về đăng ký thuế.

3. Cơ quan chức năng khác, ngoài các cơ quan quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này có trách nhiệm công khai thông tin doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, trực thuộc hợp tác xã, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm, bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý. Thông tin công khai gồm: tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật, người đứng đầu đơn vị trực thuộc, tên đại diện hộ kinh doanh, hành vi vi phạm pháp luật, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan chuyên môn cấp huyện phối hợp, xác minh thông tin về doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn; phát hiện và báo cáo danh sách các doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã vi phạm quy định về hoạt động kinh doanh.

5. Định kỳ hàng tháng, thông qua hộp thư điện tử, cán bộ đầu mối, các cơ quan chức năng gửi cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh hoặc cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đăng ký trụ sở các thông tin sau đây:

a) Các loại giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận hoặc văn bản chấp thuận về điều kiện kinh doanh đã cấp hoặc thu hồi đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, các đơn vị trực thuộc, người quản lý doanh nghiệp, người quản lý hợp tác xã, đại diện hộ kinh doanh.

b) Quyết định xử lý vi phạm hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, các đơn vị trực thuộc, người quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã, đại diện hộ kinh doanh.

c) Quyết định tạm dừng hoạt động, quyết định chấm dứt việc tạm dừng hoạt động kinh doanh.

d) Thông tin về vi phạm pháp luật thuế của doanh nghiệp.

6. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin theo quy định tại Khoản 5 Điều này, cơ quan đăng ký kinh doanh cập nhật vào hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã, hộ kinh doanh.

7. Hàng năm, trên cơ sở danh sách doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh do cơ quan đăng ký kinh doanh cung cấp, các cơ quan quản lý Nhà nước chuyên ngành có trách nhiệm rà soát doanh nghiệp có ngành, nghề kinh doanh thuộc lĩnh vực mình phụ trách nhưng không đảm bảo điều kiện hoạt động và phản hồi về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp huyện để phối hợp quản lý.

Điều 12. Hình thức, phương tiện trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh

1. Việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh giữa các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã thực hiện bằng hình thức gửi bằng bản giấy hoặc qua mạng điện tử.

Khuyến khích các cơ quan chức năng ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh qua mạng điện tử kết nối giữa các Hệ thống thông tin của các cơ quan quản lý.

2. Việc công khai thông tin doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được thực hiện trên Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; trên trang Thông tin điện tử của Sở Kế hoạch và Đầu tư và của các đơn vị.

3. Kể từ ngày nhận được yêu cầu cung cấp thông tin doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh của cơ quan quản lý Nhà nước, cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm phản hồi không quá 05 ngày làm việc.

Chương III

THANH TRA, KIỂM TRA, THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP, GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ, HỘ KINH DOANH VÀ XỬ LÝ VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ NGÀNH, NGHỀ ĐẦU TƯ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN

Điều 13. Nội dung phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, hộ kinh doanh; xử lý vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và sử dụng lao động thường xuyên của hộ kinh doanh

1. Nội dung phối hợp trong thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh bao gồm: phối hợp xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; phối hợp tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

2. Nội dung phối hợp trong thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, hộ kinh doanh bao gồm: phối hợp xác định hành vi vi phạm thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, hộ kinh doanh; thực hiện thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, hộ kinh doanh.

3. Nội dung phối hợp trong xử lý doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh vi phạm quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện gồm: phối hợp xử phạt; yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

4. Nội dung phối hợp trong xử lý hộ kinh doanh vi phạm quy định về số lao động thường xuyên sử dụng từ 10 (mười) lao động trở lên bao gồm: phối hợp xử phạt và buộc hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp.

Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc phối hợp xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh

1. Thanh tra tỉnh là cơ quan đầu mối tổng hợp kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp của tỉnh, trên cơ sở tổng hợp yêu cầu về thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh của các cơ quan quy định tại Khoản 1, Khoản

2 và Khoản 3, Điều 2 Quy chế này; theo dõi, tổng hợp kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt của các cơ quan để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh có thể được xây dựng độc lập hoặc được lồng ghép trong các nội dung của kế hoạch thanh tra, kiểm tra của tỉnh.

- Thanh tra các sở, ban, ngành của tỉnh chủ trì xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện việc thanh tra, kiểm tra hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập và xử lý các hành vi vi phạm thuộc phạm vi, địa bàn quản lý. Chánh Thanh tra Sở xử lý việc chồng chéo về phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian thanh tra trong phạm vi được phân cấp quản lý nhà nước của sở, ngành trước khi gửi kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp về Thanh tra tỉnh.

- Thanh tra thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện là cơ quan đầu mối tổng hợp kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh thuộc địa bàn trên cơ sở tổng hợp kế hoạch về thanh tra, kiểm tra của các phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt để báo cáo Ủy ban nhân dân huyện. Thanh tra cấp huyện có trách nhiệm gửi kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn về Thanh tra tỉnh để tổng hợp, xử lý chồng chéo.

- Đối với các đơn vị không có chức năng thanh tra, cơ quan chuyên môn của đơn vị đó chủ trì xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện kiểm tra hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập và trình cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm thuộc phạm vi, địa bàn quản lý (nếu có).

- Trước khi xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra, các cơ quan chức năng phải xác định cụ thể tiêu chí, nội dung cần tiến hành thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

2. Các cơ quan chức năng có trách nhiệm xây dựng, phê duyệt và gửi kế hoạch thanh tra, kế hoạch kiểm tra doanh nghiệp về Thanh tra tỉnh để tổng hợp, xử lý chồng chéo.

a) Trước ngày 15 tháng 11 hàng năm, các cơ quan quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 Quy chế này gửi kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm sau liền kề của cơ quan, đơn vị mình cho Thanh tra tỉnh.

Căn cứ vào định hướng, chương trình kế hoạch công tác thanh tra của Thanh tra Chính phủ, Thanh tra tỉnh tổng hợp nhu cầu thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh của các cơ quan chức năng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 Quy chế này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Chậm nhất vào ngày 25 tháng 11 hàng năm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh năm sau liền kề của tỉnh.

b) Các cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc cơ quan quản lý nhà nước cấp Trung ương đặt tại địa phương có trách nhiệm đối chiếu với kế hoạch thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chức năng khác trên địa bàn khi xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra của mình để giảm thiểu trùng lặp; gửi cho Thanh tra tỉnh kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp năm sau liền kề đã được cấp trên phê duyệt.

3. Sau khi Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Thanh tra tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tiến hành xử lý chồng chéo, trùng lặp và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập các đoàn thanh tra liên ngành, đoàn kiểm tra liên ngành, đoàn thanh tra - kiểm tra liên ngành đối với các doanh nghiệp bị chồng chéo về đối tượng, nội dung và phạm vi thanh tra, kiểm tra để cùng tiến hành thanh tra, kiểm tra tại doanh nghiệp. Trường hợp do yêu cầu đặc thù phải thực hiện thanh tra, kiểm tra độc lập, Thủ trưởng cơ quan chức năng phải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh bằng văn bản.

Thanh tra tỉnh có trách nhiệm thông báo về kết quả xử lý chồng chéo, trùng lặp đến các đơn vị có liên quan trước ngày 20/12 hàng năm để tổ chức thực hiện.

4. Kết hợp thực hiện thanh tra, kiểm tra không quá 01 lần /năm, trừ trường hợp thanh tra, kiểm tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc phục vụ công tác đảm bảo an ninh, trật tự theo văn bản chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền và kiểm tra để xem xét, quyết định cho phục hồi hoạt động đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh bị tạm đình chỉ hoạt động.

5. Kế hoạch thanh tra, kiểm tra không thuộc phạm vi bí mật Nhà nước phải được công khai, gửi tới trước đối tượng được thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc phối hợp tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh

1. Các cơ quan chức năng có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo kế hoạch thanh tra, kiểm tra đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Trường hợp thành lập Đoàn thanh tra liên ngành, Thanh tra tỉnh tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao một đơn vị làm trưởng đoàn, các đơn vị liên quan cử cán bộ, công chức tham gia làm thành viên đoàn. Kết luận thanh tra liên ngành phải được gửi cho các cơ quan chức năng tham gia. Hành vi vi phạm của doanh nghiệp trong từng lĩnh vực được xử lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Căn cứ kết luận của Đoàn thanh tra liên ngành, Thủ trưởng cơ quan thanh tra chuyên ngành ra quyết định hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử lý theo quy định.

- Trường hợp thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành, Thanh tra tỉnh tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao một đơn vị làm trưởng đoàn, các đơn vị liên quan cử cán bộ, công chức tham gia làm thành viên đoàn. Kết quả kiểm tra liên ngành phải được gửi cho các cơ quan tham gia. Hành vi vi phạm của doanh

nghiệp trong từng lĩnh vực được xử lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Căn cứ kết luận của Đoàn kiểm tra liên ngành, Thủ trưởng cơ quan chuyên ngành ra quyết định hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

- Trường hợp thành lập Đoàn thanh tra - kiểm tra liên ngành, Thanh tra tỉnh tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao một đơn vị làm trưởng đoàn, các đơn vị liên quan cử cán bộ, công chức tham gia làm thành viên đoàn. Kết quả kiểm tra liên ngành phải được gửi cho các cơ quan tham gia.

- Hành vi vi phạm của doanh nghiệp trong từng lĩnh vực được xử lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Căn cứ kết luận của Đoàn kiểm tra liên ngành, Thủ trưởng cơ quan chuyên ngành ra quyết định hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử lý vi phạm hành chính theo quy định

2. Trường hợp trong quá trình chuẩn bị hoặc trong quá trình thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, cơ quan chức năng phát hiện hoặc nhận thấy dấu hiệu doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm pháp luật ngoài phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm thông báo, đề nghị cơ quan có thẩm quyền phối hợp hoặc thực hiện thanh tra, kiểm tra độc lập.

3. Thanh tra tỉnh là cơ quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc theo dõi, đôn đốc thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh; tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh của các cơ quan chức năng báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Kết quả thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp phải được công khai trên Trang thông tin điện tử của cơ quan chủ trì thực hiện thanh tra, kiểm tra.

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan trong phối hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã và văn bản hướng dẫn thi hành theo đúng thẩm quyền.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày xác định hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo quy định phải thu hồi giấy chứng nhận, cơ quan chức năng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền.

3. Trường hợp nhận được thông tin về hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận, nếu xét thấy cần thiết phải xác minh thông tin, cơ quan đăng ký kinh doanh trực tiếp kiểm tra hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra. Kết quả xác minh thông tin về hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trường hợp thu hồi giấy chứng nhận phải được thể hiện bằng văn bản. Trách nhiệm cụ thể:

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm xác minh việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân tại địa bàn quản lý.

b) Công an tỉnh có trách nhiệm xác minh nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã, đăng ký hộ kinh doanh là giả mạo, trả lời bằng văn bản về kết quả xác minh theo đề nghị của cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị; xử lý các vi phạm của cá nhân, tổ chức theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

c) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp văn bản có trách nhiệm trả lời về kết quả xác minh theo đề nghị của cơ quan đăng ký kinh doanh về văn bản thuộc thẩm quyền cấp của cơ quan mình là giả mạo.

d) Cơ quan, tổ chức quản lý người thành lập doanh nghiệp thuộc đối tượng bị cấm thành lập doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp có trách nhiệm xác minh lý lịch của người thành lập doanh nghiệp đó.

e) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xác minh việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tại địa bàn quản lý theo đề nghị của cơ quan đăng ký kinh doanh.

4. Khi nhận được văn bản của cơ quan chức năng xác định hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hộ kinh doanh thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận, cơ quan đăng ký kinh doanh thu hồi giấy chứng nhận theo quy định, đồng thời thông báo cho cơ quan chức năng đã có yêu cầu thu hồi và Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đăng ký địa chỉ trụ sở. Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm kiểm tra, xử lý nếu doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp tục hoạt động sau khi đã bị thu hồi Giấy chứng nhận theo thẩm quyền.

Điều 17. Trách nhiệm của các cơ quan trong phối hợp xử lý doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện

1. Trường hợp phát hiện doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, các cơ quan chức năng quyết định xử phạt theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền quyết định xử phạt theo quy định của pháp luật chuyên ngành, đồng thời yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh thực hiện đúng quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh.

2. Cơ quan chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành chịu trách nhiệm thực hiện công tác quản lý nhà nước về ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo nội dung được phân công tại Phụ lục được ban hành kèm theo quy chế này. Cơ quan chức năng quản lý nhà nước về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh tương ứng về các trường hợp sau:

a) Thu hồi, rút, đình chỉ giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, chứng chỉ hành nghề hoặc các loại văn bản chứng nhận, chấp

thuận khác đã cấp cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh kinh doanh các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

b) Đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh ra Thông báo yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện do không đáp ứng đủ điều kiện đầu tư kinh doanh.

3. Khi nhận được thông báo bằng văn bản của cơ quan chức năng quy định tại Khoản 2 Điều này, cơ quan đăng ký kinh doanh ra Thông báo yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, đồng thời gửi cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã để theo dõi việc thực hiện yêu cầu của cơ quan đăng ký kinh doanh.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện theo dõi doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân thực hiện yêu cầu tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Phòng Đăng ký kinh doanh; Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi hộ kinh doanh, hợp tác xã thực hiện yêu cầu tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện. Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp tục kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi không đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tiến hành xử lý hành vi vi phạm theo thẩm quyền và thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền và cơ quan chức năng quản lý chuyên ngành để xử lý.

Cơ quan Thuế (bao gồm các Chi cục Thuế) cùng phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện nội dung trên.

Chương IV

BÁO CÁO VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ, HỘ KINH DOANH SAU ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP

Điều 18. Nội dung báo cáo về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập

1. Tình hình công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập.

2. Tình hình thực hiện phối hợp giữa các cơ quan chức năng về các nội dung sau:

a) Trao đổi, cung cấp và công khai thông tin doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

b) Thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

c) Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

d) Xử lý doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.



Điều 19. Trách nhiệm của các cơ quan trong báo cáo về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh

1. Trước ngày 15 tháng 01 hàng năm, cơ quan chức năng có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thanh tra tỉnh tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý được phân công và tình hình thực hiện phối hợp các nội dung quy định tại Khoản 2, Điều 18 Quy chế này của năm liền trước.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối tổng hợp tình hình thực hiện nội dung phối hợp quy định tại các Điểm a, c và d, Khoản 2, Điều 18 Quy chế này báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 31 tháng 01 hàng năm.

3. Thanh tra tỉnh là đầu mối tổng hợp tình hình thực hiện nội dung phối hợp quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 18 Quy chế này báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 31 tháng 01 hàng năm, đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo.

4. Trước ngày 15 tháng 2 hàng năm, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp Thanh tra tỉnh dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư tình hình quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập của năm liền trước theo các nội dung quy định tại Điều 18 Quy chế này, đồng thời gửi Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện Quy chế này; chủ trì, phối hợp các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc tổ chức tuyên truyền, thực hiện Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

b) Phối hợp, xây dựng, quản lý vận hành Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp Quốc gia, cập nhật những thông tin vi phạm của doanh nghiệp vào Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp Quốc gia; quản lý, tổ chức thực hiện cung cấp thông tin về đăng ký doanh nghiệp lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã cho các cơ quan có liên quan và các tổ chức, cá nhân có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

c) Kịp thời tổng hợp danh sách doanh nghiệp thuộc trường hợp bán doanh nghiệp tư nhân, chuyên nhượng vốn góp, cổ phần của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông công ty khi giải quyết hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, gửi đến Cục Thuế tỉnh

Đồng Nai, Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai định kỳ hàng tuần, để tiến hành kiểm tra, thu thuế (nếu có) nhằm tránh thất thu cho ngân sách nhà nước.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý doanh nghiệp và dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh, nhằm có cơ sở đánh giá trình hình triển khai hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, nhằm hạn chế tối đa tình trạng doanh nghiệp hoạt động không hiệu quả, bỏ trốn khỏi địa chỉ đăng ký hoặc có hành vi vi phạm vi phạm pháp luật.

đ) Tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ đã được phân công trong công tác đăng ký và quản lý sau đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ cụ thể trong Quy chế này.

2. Cục Thuế tỉnh

a) Rà soát, đối chiếu doanh nghiệp đã đăng ký mã số doanh nghiệp với danh sách doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đã được cấp giấy chứng nhận; cung cấp thông tin về doanh nghiệp, hợp tác xã không hoạt động tại trụ sở đăng ký quá 01 (một) năm không thông báo với cơ quan thuế.

b) Cung cấp thông tin cho cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 01/2016/TTLT-BKHĐT-BTC liên Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính hướng dẫn việc trao đổi thông tin về doanh nghiệp giữa Hệ thống thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và Hệ thống thông tin thuế.

Công khai danh sách các doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có hành vi vi phạm pháp luật về thuế.

c) Tiến hành kiểm tra quyết toán thuế, thực hiện thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với doanh nghiệp, hợp tác xã nộp hồ sơ giải thể; chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với hộ kinh doanh chấm dứt hoạt động đúng thời gian quy định.

d) Triển khai thực hiện Thông tư số 204/2015/TT-BTC ngày 21/12/2015 của Bộ Tài chính quy định về áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý thuế. Trong đó, chú trọng đến một số đối tượng: (1) Các doanh nghiệp trong nước và nhất là các doanh nghiệp nước ngoài có chuyển nhượng vốn, mua bán cổ phần, thay đổi chủ sở hữu. (2) Các doanh nghiệp đã bỏ trốn, mất tích tồn đọng từ nhiều năm nay. (3) Các doanh nghiệp nhiều lần thay đổi trụ sở, thay đổi người đại diện theo pháp luật. (4) Các doanh nghiệp phát sinh doanh thu lớn bất thường. (5) Một người làm chủ, làm giám đốc nhiều công ty và có hoạt động sản xuất, kinh doanh phức tạp. (6) Các đối tượng thành lập doanh nghiệp có thể lợi dụng chính sách thông thoáng của Nhà nước để mua bán hóa đơn VAT.

đ) Xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về thuế theo thẩm quyền và thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh danh sách doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh vi phạm Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã, Luật Quản lý thuế; danh sách doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đề nghị thu hồi mã số doanh nghiệp hoặc không hoạt động ở nơi đăng ký trụ sở chính để phối hợp xử lý vi phạm.

e) Tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ đã được phân công trong công tác quản lý sau đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ cụ thể trong Quy chế này.

3. Công an tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh.

b) Chỉ đạo lực lượng chức năng xác minh, điều tra và xử lý theo quy định khi kiểm tra, phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

c) Phối hợp với các sở, ngành và tổ chức, cá nhân liên quan trong quá trình điều tra, xử lý các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh vi phạm quy định của pháp luật trong quá trình hoạt động.

d) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc xác định tư cách pháp nhân của tổ chức, nhân thân của người thành lập doanh nghiệp, góp vốn, mua cổ phần, là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đối với trường hợp pháp nhân, cá nhân đến từ nước ngoài.

đ) Tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ đã được phân công trong công tác quản lý sau đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ cụ thể trong Quy chế này.

4. Thanh tra tỉnh

a) Hướng dẫn các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh của ngành, địa phương.

b) Tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ đã được phân công trong công tác quản lý sau đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ cụ thể trong Quy chế này.

5. Ban quản lý các khu công nghiệp, Ban Quản lý Khu công nghệ cao Công nghệ sinh học tỉnh Đồng Nai

a) Chịu trách nhiệm theo dõi, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động sản xuất, kinh doanh tại địa bàn quản lý theo thẩm quyền.

b) Định kỳ hàng tháng, cung cấp thông tin về doanh nghiệp, hợp tác xã cho Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan chức năng có liên quan các danh sách sau:

- Doanh nghiệp, hợp tác xã đã thông báo chấm dứt hoạt động dự án đầu tư.
- Doanh nghiệp xã bị thu hồi Giấy chứng đăng ký nhận đầu tư.
- Doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động không đúng địa chỉ trụ sở đăng ký.

c) Tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ đã được phân công trong công tác quản lý sau đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ cụ thể trong Quy chế này.

6. Liên minh Hợp tác xã tỉnh

a) Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, nghiên cứu kiến nghị đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh phương án xử lý các hợp tác xã ngừng hoạt động, giải thể, phá sản, các hợp tác xã không còn hoạt động hoặc hoạt động không hiệu quả theo quy định, định kỳ trước ngày 15/01 hàng năm có báo cáo gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư.

b) Phối hợp với cơ quan chức năng tuyên truyền, vận động các cơ sở kinh tế hộ gia đình, các cơ sở sản xuất nhỏ và vừa thực hiện phát triển kinh tế hợp tác, tổ hợp tác và hợp tác xã. Tổng kết và phổ biến kinh nghiệm của các Hợp tác xã điển hình tiên tiến, tổ chức các phong trào thi đua trong tổ chức Liên minh hợp tác xã tỉnh.

c) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, xã viên và người lao động trong các hợp tác xã và các thành viên khác.

d) Phối hợp và tham gia cùng các đoàn kiểm tra liên ngành để giúp đỡ và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các hợp tác xã và đơn vị thành viên.

6. Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh

a) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật đến các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh, nhằm nâng cao nhận thức đúng, đầy đủ quy định của pháp luật, từ đó thực hiện có hiệu quả chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước.

b) Chủ trì, phối hợp thực hiện các nội dung quản lý nhà nước chuyên ngành đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã và pháp luật chuyên ngành.

c) Hướng dẫn doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh thực hiện các quy định của pháp luật chuyên ngành trong hoạt động kinh doanh. Tổ chức việc cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, giấy phép kinh doanh đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực của ngành; chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra việc chấp hành pháp luật và các quy định về điều kiện kinh doanh, xử lý các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh vi phạm quy định của pháp luật; đồng thời, thông báo cho Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đặt trụ sở chính danh sách các doanh nghiệp không đủ điều kiện kinh doanh, bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

d) Tăng cường quản lý, giám sát, xử lý vi phạm đối với các đối tượng có nguy cơ vi phạm pháp luật cao theo chuyên môn, nghiệp vụ của ngành và thông tin cung cấp từ các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan, các tổ chức, cá nhân khác.

đ) Chủ trì, phối hợp thực hiện công tác quản lý nhà nước chuyên ngành đối với ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo ngành cấp 4 của Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam (Phụ lục đính kèm).

e) Tiếp tục củng cố, kiện toàn Đoàn kiểm tra liên ngành, các Đội Kiểm tra liên ngành; tăng cường công tác kiểm tra đột xuất hoạt động của các cơ sở kinh doanh có dấu hiệu vi phạm pháp luật, nhằm kịp thời phát hiện hành vi vi phạm để có biện pháp xử lý phù hợp.

g) Tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ đã được phân công trong công tác quản lý sau đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ cụ thể trong Quy chế này.

7. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Tiếp nhận, xử lý thông tin về các doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân do Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp; tham gia quản lý, theo dõi hoạt động của doanh nghiệp trên địa bàn.

b) Phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện công tác quản lý nhà nước chuyên ngành đối với ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam và kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; xác minh nội dung đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã trên địa bàn quản lý theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

c) Tuyên truyền, vận động hộ kinh doanh chấp hành quy định của pháp luật, trường hợp hộ kinh doanh có sử dụng từ 10 (mười) lao động trở lên phải đăng ký thành lập doanh nghiệp. Khuyến khích và tạo điều kiện để hộ kinh doanh đăng ký chuyển đổi sang các loại hình doanh nghiệp.

d) Căn cứ danh sách doanh nghiệp đăng ký trên địa bàn cấp huyện do Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp, thực hiện gửi danh sách doanh nghiệp trên địa bàn các xã/phường/thị trấn đến Ủy ban nhân dân cấp xã để có thông tin phối hợp theo dõi tình hình hoạt động và đôn đốc doanh nghiệp có trụ sở trên địa bàn thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

đ) Chỉ đạo Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện định kỳ gửi danh sách hợp tác xã, hộ kinh doanh đến cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, Sở Kế hoạch và Đầu tư. Đồng thời gửi danh sách đến Ủy ban nhân dân cấp xã để có thông tin phối hợp theo dõi tình hình hoạt động và đôn đốc hợp tác xã, hộ kinh doanh có trụ sở trên địa bàn thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

e) Tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ đã được phân công trong công tác quản lý sau đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ cụ thể trong Quy chế này.

8. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Theo dõi tình hình hoạt động và đôn đốc doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh có trụ sở trên địa bàn thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

b) Định kỳ hàng tháng, có báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư (Phòng Đăng ký kinh doanh, đối với doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân) hoặc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (Phòng Tài chính - Kế hoạch, đối với hợp tác xã, hộ kinh doanh) về thông tin vi phạm quy định về trụ sở (trụ sở không

thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp; sử dụng trụ sở không đúng mục đích theo quy định pháp luật; không hoạt động tại trụ sở), vi phạm quy định về biển hiệu (không gắn tên tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp; không viết hoặc gắn tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh) hoặc doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh có thông báo tạm ngừng hoạt động, giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mà vẫn hoạt động.

c) Phối hợp xác minh, cung cấp thông tin về doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn theo yêu cầu của cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

d) Phối hợp thực hiện tuyên truyền các cơ chế chính sách của tỉnh về phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh nhằm khuyến khích các cá nhân có đủ điều kiện tiến hành đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

9. Trách nhiệm của các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh

a) Tuân thủ, chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật trong suốt quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

b) Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan quản lý Nhà nước trong quá trình thực hiện giám sát, thanh tra, kiểm tra.

c) Cung cấp kịp thời, đầy đủ hồ sơ, tài liệu theo nội dung quyết định thanh tra, kiểm tra; báo cáo thông tin chính xác, trung thực và chịu trách nhiệm về những thông tin đã cung cấp.

d) Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật; định kỳ báo cáo đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp, báo cáo tài chính của doanh nghiệp, hợp tác xã với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo từng lĩnh vực quản lý nhà nước; sửa đổi, bổ sung và báo cáo kịp thời đối với các thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ.

Điều 21. Kinh phí triển khai, thực hiện quy chế phối hợp

Kinh phí bảo đảm cho công tác phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh, được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của các cơ quan này.

Điều 22. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa có trách nhiệm triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực phụ trách, đảm bảo chất lượng và hiệu quả.

2. Định kỳ trước ngày 15 tháng 6 và 15 tháng 12 hàng năm, các cơ quan chức năng quy định tại Điều 2 Quy chế thực hiện lập báo cáo tình hình triển khai thực hiện quy chế; đề xuất các giải pháp tăng cường quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh. Báo cáo gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Khuyến khích Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể chính trị - xã hội tổ chức thực hiện công tác giám sát quá trình triển khai thực hiện Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh, các cơ quan tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Nguyễn Quốc Hùng